

Bản án số: 92/2024/HS-ST

Ngày: 06/12/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngọc

2. Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 70/2024/TLST- HS ngày 03 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST ngày 18 tháng 10 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/HSST-QĐ ngày 28/11/2024 đối với:

1. Bị cáo **Bùi Văn M**, sinh năm 1981, nơi cư trú: Khu dân cư L, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Đ và bà Nguyễn Thị The . Bị cáo có vợ Phạm Thị Bích H và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1978, nơi cư trú: Khu dân cư A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1 và bà Phạm Thị P. Bị cáo có vợ Vũ Thị L và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty cổ phần V2. Địa chỉ trụ sở: Tổ A, Khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty cổ phần V2: Ông Tạ Quang T – Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Bình L1, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ A, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

- **Nguyên đơn dân sự:** Công ty B3. Địa chỉ trụ sở: Số G, phố L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của công ty B3: Ông Nguyễn Xuân V – Chức vụ: Tổng giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Mạnh H1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường N, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Công ty D, địa chỉ trụ sở: Số B, đường T, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn V1 – Giám đốc công ty. Vắng mặt

+ Công ty TNHH Đ2, có trụ sở tại: phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B – Giám đốc. Có mặt

- **Người làm chứng:**

1. Anh Lưu Văn T1, sinh năm 1976. Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Văn M2, sinh năm 1985. Vắng mặt

3. Anh Phạm Văn B1, sinh năm 1987. Vắng mặt

4. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Đ2, có trụ sở tại: phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa. Ngày 01/10/2021, Công ty TNHH Đ2 và Công ty cổ phần D ký Hợp đồng kinh tế số 0310/HĐKT/2021/ĐM - MH để sửa chữa tàu HD 1948 (tàu HD 1948 là tài sản của Công ty cổ phần D). Ngày 23/10/2021, tàu HD 1948 được Công ty TNHH Đ2 sửa chữa xong phần ở trên đà và thực hiện việc hạ thủy để tiếp tục sửa chữa. Chiều ngày 21/10/2021, Bùi Văn M là Phó giám đốc công ty TNHH Đ2 được ông B ủy quyền (có giấy ủy quyền ngày 10/12/2020) phân công bằng miệng cho 05 công nhân của công ty TNHH Đ2 thực hiện hạ thủy tàu HD 1948 vào rạng sáng ngày 23/10/2021 để sửa chữa các phần cần thực hiện ở dưới nước, gồm Nguyễn Văn N, anh Phạm Văn B1, anh Nguyễn Văn M2, anh Lưu Văn T1 và anh Nguyễn Văn T2. Bùi Văn M phân công N là tổ trưởng, chỉ huy công nhân trong tổ hạ thủy tàu HD 1948, kiểm tra việc đảm bảo an toàn cho việc hạ thủy. Cùng ngày, Bùi Văn M lập danh sách công nhân thực hiện việc hạ thủy và kế hoạch hạ thủy tàu HD 1948 để cung cấp cho Cảng vụ P2 thuộc Cảng vụ Đường

thủy Nội địa khu vực 1 để phê duyệt theo quy định. Qua kiểm tra hồ sơ thấy chưa đủ điều kiện để chấp thuận cho công ty TNHH Đ2 hạ thủy tàu HD 1948 (hồ sơ không có phương án đảm bảo an toàn giao thông), nên Cảng vụ P2 yêu cầu Công ty TNHH Đ2. Đến rạng sáng ngày 23/10/2021, chưa có văn bản chấp thuận kế hoạch hạ thủy của Cảng vụ P2 nhưng Bùi Văn M vẫn chỉ đạo các công nhân thực hiện việc hạ thủy, N đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong tổ hạ thủy, cụ thể N là người kiểm tra dây cáp sắt loại phi 36 gồm 06 dây cáp nhỏ quấn lại với nhau, dài 8,23m dùng để móc vào hai hốc ở mũi tàu (dây cáp ở hai hốc mũi tàu có từ trước do N và anh B1 luồn vào để thực hiện việc kéo tàu HD 1948 lên đà sửa vào ngày 10/10/2021); anh B1 và anh T1 thực hiện móc dây cáp đã được luồn qua hai hốc ở mũi tàu vào mã lý, anh Nguyễn Văn M2 chuẩn bị máy bơm, bóng, anh T2 cùng anh Nguyễn Văn M2 vãn các ụ đỡ tàu để tàu có thể trôi xuống đà sau khi các bóng khí dưới tàu được bơm căng. Sau khi công tác chuẩn bị cho việc hạ thủy thực hiện xong thì N kiểm tra về an toàn, kỹ thuật, phát hiện dây cáp đã cũ, bị han và bị đứt trước một số sợi là nguy hiểm cho quá trình hạ thủy nhưng Ngọc nghĩ rằng khi dùng chính dây cáp trên kéo tàu HD 1948 lên không xảy ra vấn đề gì nên đã để mọi người tiếp tục thực hiện việc hạ thủy. Trước khi hạ thủy, N quan sát thấy đoàn sà lan có số hiệu là QN - 7906, QN - 7907, QN - 7908, QN - 7909 có tàu đẩy QN - 1043 do anh Hà Văn B2, sinh năm 1979, trú tại A, Lê Hồng P1, Nguyễn T3, Hải Dương làm thuyền trưởng đang neo đậu tại khu vực cảng P thuộc P - K nhưng N không thông báo cho các phương tiện thủy đang neo đậu trên sông và các phương tiện thủy lưu thông trên sông ngang qua khu vực hạ thủy tàu biết để đảm bảo an toàn. Khi cả 5 người cùng nhau bơm bóng xong, vãn các ụ đỡ tàu ra, N chỉ đạo anh B1 điều khiển máy tời nhả dây cáp để tàu trôi từ từ xuống sông. Đến khi phần bánh lái của tàu HD 1948 chạm mặt nước thì dây cáp luồn qua hai hốc ở mũi tàu bị đứt dẫn đến việc các công nhân hạ thủy mất kiểm soát với tàu HD 1948. Sau đó tàu HD 1948 bị trôi tự do từ trên đà xuống sông K và chạm vào mạn trái của sà lan có số hiệu QN - 7909. Hậu quả: Sà lan QN - 7909 bị lật úp, toàn bộ hàng hóa là 598,46 tấn than cám trên sà lan QN - 7909 rơi xuống sông không thu hồi được. Phương tiện sà lan QN - 7909 là tài sản của Công ty cổ phần V2 có trụ sở tại tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh do ông Tạ Quang T làm giám đốc, số than bị mất là tài sản của Tập đoàn C ký hợp đồng với Công ty cổ phần V2 vận chuyển.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 09 ngày 14/10/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã K kết luận: Chi phí trực vớt phương tiện thủy nội địa (sà lan) số đăng ký (QN-7909) (giá chưa bao gồm thuế GTGT) là: 220.000.000 đồng. Giá trị của 598,46 tấn than cám 6b.1 (A: 41.68% Wtp; 8,86%

Sk: 0.33%); khối lượng trừ ẩm (quy ẩm: 8,5%) (giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển, bảo hiểm, hao hụt, tổ chức điều hành, giao than) là: 874.230.368 đồng. Sà lan số đăng ký QN-7909 (cấp phương tiện: VR-SI, công dụng: chở hàng trên boong) bị hư hỏng thiệt hại giá trị là: 91.623.268 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.185.853.636 đồng.

Tại Kết luận giám định số 9240 ngày 10/01/2022 của V3 -Bộ C1, kết luận: Đoạn cáp thép bị đứt là do cáp bị han gỉ, nhiều sợi thép bị mòn vẹt làm giảm đường kính, một số sợi bị đứt từ trước nên trong quá trình sử dụng cáp không đủ khả năng chịu tải dẫn đến đứt cáp.

Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đã quản lý được 01 đoạn dây thép, một đầu bị cắt, một đầu bị đứt dài ngắn khác nhau là dây cáp dùng để lên và xuống đà tàu thủy số hiệu HD-1948 ngày 23/10/2021 (do Bùi Văn M giao nộp). Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K đang quản lý, cần chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn để xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra bị cáo Bùi Văn M, bị cáo Nguyễn Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Cáo trạng số 63/CT - VKS ngày 30/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn đã truy tố bị cáo Bùi Văn M, bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 295 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo M, bị cáo N khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng viện kiểm sát truy tố.

- Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị HĐXX:

- *Tuyên bố:* Bị cáo Bùi Văn M, bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”.

- *Đề nghị áp dụng:* điểm c khoản 2 Điều 295 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65, **Điều 17; Điều 58** của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn M, bị cáo Nguyễn Văn N; điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Đề nghị xử phạt*: Bị cáo Bùi Văn M, bị cáo Nguyễn Văn N mỗi bị cáo **03 (ba)** năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra VKS còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng*: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Văn M khai nhận bị cáo là Phó giám đốc Công ty TNHH Đ2 được Giám đốc công ty ủy quyền phụ trách sửa chữa, phục hồi phương tiện thủy nội địa HD 1948, trực tiếp là người ký Hợp đồng kinh tế số 0310/HĐKT/2021/ĐM-MH ngày 01/10/2021 giữa Công ty TNHH Đ2 và Công ty CP D. Trong quá trình sửa chữa tàu HD 1948 đã hoàn thành sửa chữa phần ở trên đà và cho hạ thủy để tiếp tục sửa chữa. Khi thực hiện hạ thủy, bị cáo đã xây dựng kế hoạch hạ thủy gửi cho Cảng vụ P2, tuy nhiên khi chưa có văn bản chấp thuận của Cảng vụ P2, bị cáo đã phân công anh Nguyễn Văn N tổ trưởng tổ công nhân và các công nhân khác thực hiện việc hạ thủy, chịu trách nhiệm trực tiếp về an toàn khi hạ thủy (xuống nước) tàu HD 1948. Bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận là tổ trưởng tổ công nhân được M giao nhiệm vụ lập danh sách công nhân hạ thủy, phân công công nhân thực hiện công việc hạ thủy, kiểm tra tính an toàn khi hạ thủy tàu HD 1948. Khi kiểm tra các khâu hạ thủy, N phát hiện dây cáp giữ tàu HD 1948 đã cũ, bị đứt một số sợi, gần khu vực hạ thủy trên sông có đoàn sà lan có số hiệu là QN - 7906, QN - 7907, QN - 7908, QN - 7909 có tàu đẩy QN - 1043 đang neo đậu tại khu vực cảng P, dẫn đến trong quá trình hạ thủy tàu HD 1948, dây cáp giữ tàu HD 1948 bị đứt dẫn đến tàu HD 1948 bị trôi tự do va chạm với đoàn sà lan đang neo đậu làm Sà lan QN - 7909 bị lật úp gây thiệt hại về tài sản (không có thiệt hại về người).

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra như: Biên bản làm việc, kết luận

giám định thiệt hại và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định:

Bùi Văn M với cương vị là Phó giám đốc Công ty TNHH Đ2 là người trực tiếp xây dựng kế hoạch hạ thủy tàu HD 1948, chịu trách nhiệm trực tiếp việc điều hành, giám sát quá trình hạ thủy. Đối với Nguyễn Văn N là tổ trưởng tổ công nhân trực tiếp kiểm tra, giám sát toàn bộ khâu hạ thủy khi kiểm tra dây cáp giữ tàu hạ thủy phát hiện dây cáp đã cũ, bị đứt một số sợi nhưng đã không khắc phục để đảm bảo an toàn cho tàu HD 1948 khi hạ thủy, không thông báo cho phương tiện tàu đang neo đậu gần vị trí hạ thủy dẫn đến trong quá trình hạ thủy tàu HD 1948, dây cáp sắt giữ tàu HD 1948 bị đứt dẫn đến tàu HD 1948 bị trôi tự do va chạm với đoàn sà lan đang neo đậu là sà lan QN - 7909 bị lật úp. Hậu quả: Sà lan QN 7909 là tài sản của Công ty cổ phần V2 có trụ sở tại tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh bị hư hỏng, thiệt hại 311.623.268 đồng; 598,46 tấn than cám là tài sản của Công ty K thuộc Tập đoàn C, không thu hồi được, thiệt hại 874.230.368 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 1.185.853.636 đồng. Bị cáo M là người sử dụng lao động không tổ chức huấn luyện cho người lao động quy định, nội quy, quy trình về an toàn, vệ sinh lao động, biện pháp phòng, chống yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao; không tổ chức kiểm tra, đánh giá các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại nơi làm việc để tiến hành các biện pháp về kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc, không kiểm tra, bảo dưỡng, thiết bị. Bị cáo N là người lao động được giao nhiệm vụ kiểm tra, giám sát khâu hạ thủy đã không ngăn chặn nguy cơ trực tiếp gây mất an toàn, vệ sinh lao động; không báo cáo với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ xảy ra sự cố. Hành vi của các bị cáo đã vi phạm Luật an toàn, vệ sinh lao động vi phạm khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 41 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa, vi phạm Điều 295 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Vi phạm quy định về an toàn lao động”, tổng giá trị tài sản do sự cố mất an toàn lao động gây ra thiệt hại về tài sản là 1.185.853.636 đồng, đây là tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 295 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn lao động, đó là những quy định nhằm bảo vệ tính mạng, sức khỏe hoặc tài

sản của người khác. Trong vụ án này bị cáo M là người sử dụng lao động không kiểm tra, thực hiện đúng quy trình lao động, không kiểm tra tính an toàn khi hạ thủy tàu HD 1948 theo kế hoạch, không thông báo và di chuyển đoàn sà lan có số hiệu là QN - 7906, QN - 7907, QN - 7908, QN - 7909 có tàu đẩy QN - 1043 đang neo đậu trên sông trong phạm vi an toàn tại vị trí hạ thủy dẫn đến dây cáp sắt tời giữ bị đứt trong quá trình hạ thủy tàu HD 1948 trôi tự do va chạm với đoàn sà lan làm đang neo đậu làm Sà lan QN - 7909 bị lật úp gây thiệt hại về tài sản. Bị cáo N là Tổ trưởng tổ công nhân được giao nhiệm vụ kiểm tra sự an toàn khi hạ thủy khi phát hiện dây cáp đã cũ, bị đứt một số sợi nhưng không thông báo, khắc phục mà cho hạ thủy dẫn đến sự cố mất an toàn xảy ra nên các bị cáo đều có vai trò ngang nhau trong vụ án. Tuy nhiên cũng xét, hậu quả từ việc mất an toàn lao động chỉ gây thiệt hại về tài sản, thiệt hại này bản thân bị cáo M là Phó giám đốc công ty và bị cáo Ngọc tác Đ1, góp tiền Công ty bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại về tài sản cho bị hại đã xảy ra. Do vậy, khi quyết định hình phạt cần phải có mức hình phạt phù hợp tính tất, mức độ hành vi, hậu quả gây ra.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo khai báo thành khẩn, thực sự nhận thức được sai phạm của mình. Sau khi sự cố xảy ra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Đại diện theo ủy quyền của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo M cung cấp nhiều tài liệu chứng cứ liên quan đến việc chấp hành pháp luật nơi cư trú, tích cực hưởng ứng các phong trào do địa phương phát động. Bị cáo M có bố đẻ ông Bùi Văn Đ là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất. Bị cáo N có bố đẻ là ông Nguyễn Văn M1 có công với cách mạng được tặng nhiều huân, huy chương kháng kiến và nhiều giấy khen. Do vậy, các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy trong vụ án này, hậu quả từ việc mất an toàn lao động chỉ gây thiệt hại về tài sản, không có thiệt hại về người (về sức khỏe, tính mạng), toàn bộ hậu quả thiệt hại về tài sản trọng vụ án đã được bồi thường. Xét thấy các bị cáo đều nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách

ly các bị cáo khỏi xã hội mà giao các bị cáo về chính quyền nơi các bị cáo cư trú cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Công ty TNHH Đ2 đã đứng ra bồi thường chi phí trục vớt sà lan QN-7909 và sửa chữa thiệt hại đối với sà lan QN -7909 của Công ty cổ phần V2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần V2 không yêu cầu phải bồi thường thiệt hại gì thêm; Đối với số tiền 650.000.000 đồng Công ty TNHH Đ2 đã đứng ra bồi thường cho Tổng công ty B4 (là đơn vị thế quyền) của tập đoàn C (chủ tài sản). Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty B4 không yêu cầu công ty TNHH Đ2 phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Đối với khoản tiền Công ty TNHH Đ2 đã đứng ra bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH Đ2, Tổng công ty B4 và tiền trục vớt tàu và các chi phí khác. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo M, bị cáo N được Công ty TNHH Đ2 đứng ra bồi thường có khoản tiền trục vớt tàu số tiền 220.000.000 đồng và tiền sửa chữa tàu 91.723.628 đồng là tiền của bị cáo M, bị cáo N. Đối với số tiền bồi thường còn lại, Công ty TNHH Đ2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho Công ty TNHH Đ2 nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[6] *Hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại điểm c Điều 295 của Bộ luật hình sự bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xem xét về nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] *Xử lý vật chứng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K quản lý 01 đoạn dây thép, một đầu bị cắt, một đầu bị đứt là tài sản của Công ty TNHH Đ2. Tại phiên tòa đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ2 xác định đoạn dây giá trị không lớn, không yêu cầu đề nghị xin lại và đề nghị xử lý theo pháp luật. Xác định 01 đoạn dây không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8] *Về án phí:* Bị cáo Bùi Văn M, Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Phạm Văn B1 có hành vi cùng với Nguyễn Văn N luồn dây cáp vào hai hốc mũi tàu để thực hiện việc lên đà tàu H2-1948 và các anh Nguyễn Văn M2, anh Lưu Văn T1, anh Nguyễn Văn T2 quá trình thực hiện việc hạ thủy tàu HD -1948 đã thực hiện theo sự phân công của Nguyễn Văn N nên Cơ quan điều tra không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

Trong vụ án này, việc anh Hà Văn B2 là thuyền trưởng đoàn sà lan có số hiệu là QN-7906, QN-7907, QN-7908, QN-7909 có tàu đẩy QN-1043 neo đậu tại khu vực Km0 +700 sông K thuộc phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương, vị trí neo đậu của đoàn sà lan sai quy định khoản 4 Điều 44 Luật giao thông đường

thủy nội địa và vi phạm điểm g khoản 1 Điều 21 Nghị định 132 ngày 25/12/2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa. Tuy nhiên đây không phải là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại xảy ra, đến thời điểm xem xét xử lý đã quá thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Công an thị xã K không đặt ra việc xử lý đối với anh B2 là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: điểm c khoản 2 Điều 295 của Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65, **Điều 17; Điều 58** của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Văn M, bị cáo Nguyễn Văn N.

- *Căn cứ* : Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- *Căn cứ*: điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- *Căn cứ*: Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Tuyên bố*: Bị cáo Bùi Văn M, Nguyễn Văn N phạm tội “*Vi phạm quy định về an toàn lao động*”.

1. Về hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn M **03 (ba)** năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **03 (ba)** năm tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn M cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- *Tránh nhiệm dân sự:* Công ty TNHH Đ2 và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong về trách nhiệm dân sự. Bị hại, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

- *Xử lý vật chứng:* Tịch thu cho tiêu hủy 01 đoạn dây thép, một đầu bị cắt, một đầu bị đứt.

(Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã K và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn).

- *Án phí:* Bị cáo Bùi Văn M, Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại được quyền kháng cáo bản án, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo về quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKS nhân dân thị xã Minh Môn;
- Công an thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan THA hình sự T.X Kinh Môn;
- Chi cục THA Dân sự thị xã Kinh Môn;
- Bị cáo;
- Bị hại; Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Khánh